

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Nhà máy ô tô
VEAM - Tổng Công ty máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 39/GP-UBND ngày 21/4/2010 và số 187/GP-UBND ngày 28/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1117/TTr-STNMT ngày 30/10/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Nhà máy ô tô VEAM - Tổng Công ty máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 39/GP-UBND ngày 21/4/2010 và số 187/GP-UBND ngày 28/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh, với các nội dung chính như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Nhà máy ô tô VEAM - Tổng Công ty máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

Địa chỉ: Phường Bắc Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Mã số thuế: 0100103866-005.

2. Công trình khai thác, sử dụng nước: 01 giếng khai thác nước dưới đất nằm trong khuôn viên Nhà máy ô tô VEAM tại phường Bắc Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền: Chi phục vụ hoạt động Nhà máy ô tô VEAM tại phường Bắc Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, không thực hiện việc kinh doanh nước bán ra ngoài phạm vi công ty.

4. Giá tính tiền cấp quyền khai thác:

$G = 70.000$ đồng/ m^3 (đối với nước dưới đất dùng cho sản xuất phi nông nghiệp);

5. Sản lượng tính tiền cấp quyền khai thác:

* Theo Giấy phép số 39/GP-UBND ngày 21/4/2010:

$$W_1 = 962 \text{ (ngày)} \times 190 \text{ (m}^3\text{/ngày, đêm)} = 182.780 \text{ (m}^3\text{)}.$$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác nước từ ngày 01/9/2017 (ngày Nghị định 82/2017/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực thi hành) đến hết ngày 20/4/2020 (ngày hết hiệu lực của Giấy phép khai thác, sử dụng nước số 39/GP-UBND ngày 21/4/2010) là 962 ngày.

* Theo Giấy phép số 187/GP-UBND ngày 28/10/2020:

$$W_2 = 3.841 \text{ (ngày)} \times 160 \text{ (m}^3\text{/ngày, đêm)} = 614.560 \text{ (m}^3\text{)}.$$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác nước từ ngày 21/4/2020 đến hết ngày 27/10/2030 (ngày hết hiệu lực của Giấy phép khai thác, sử dụng nước số 187/GP-UBND ngày 28/10/2020) là 3.841 ngày.

6. Hệ số điều chỉnh (K): $K = 1 + (0,3 + 0 + 0,1) = 1,4$;

7. Mức thu tiền cấp quyền khai thác:

$M = 1,5 \%$ (Mức thu khai thác nước dùng cho sản xuất phi nông nghiệp).

8. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp:

* Theo Giấy phép số 39/GP-UBND ngày 21/4/2010:

$$T_1 = W_1 \times G \times K \times M = 182.780 \text{ m}^3 \times 70.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 1,5\% = 268.686.600 \text{ đồng}.$$

* Theo Giấy phép số 187/GP-UBND ngày 28/10/2020:

$$T_2 = W_2 \times G \times K \times M = 614.560 \text{ m}^3 \times 70.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 1,5\% = 903.403.200 \text{ đồng}.$$

- Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp:

$$T = T_1 + T_2 = 1.172.089.800 \text{ đồng}.$$

(Bằng chữ: Một tỷ, một trăm bảy mươi hai triệu, không trăm tám mươi chín nghìn, tám trăm đồng).

9. Phương án nộp tiền: Nộp theo tháng và phân ra như sau:

- Số tiền phải nộp đến hết tháng 10/2020 (= 2017+2018+2019 + từ tháng 1 đến hết tháng 10/2020) = 314.315.400 đồng;

- Số tiền phải nộp tháng 11/2020: 7.056.000 đồng;

- Số tiền phải nộp tháng 12/2020: 7.291.200 đồng;

- Số tiền phải nộp hàng tháng tiếp theo (từ năm 2021 - tháng 9/2030): 7.154.000 đồng;

- Số tiền phải nộp tháng 10/2030 (tính đến hết ngày 27/10/2030): 6.409.200 đồng.

10. Số tiền, thời gian, địa điểm nộp tiền: Thực hiện theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa;

11. Trường hợp có vướng mắc, Nhà máy ô tô VEAM - Tổng Công ty máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế tỉnh Thanh Hóa để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời.

Điều 2. Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

Hàng năm, tổng hợp kết quả phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, báo cáo UBND tỉnh và Cục Quản lý tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường (*trước ngày 15/12*); đồng thời chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Tài chính và các ngành, đơn vị có liên quan kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về tính, thu, nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

2. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm:

- Ban hành thông báo đến Nhà máy ô tô VEAM - Tổng Công ty máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP về số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp ngân sách Nhà nước chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định này;

- Ban hành các thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tiền chậm nộp, tiền phạt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế do quá thời hạn ghi trên thông báo (*nếu có*) và gửi Nhà máy ô tô VEAM - Tổng Công ty máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP; tổng hợp, hạch toán, báo cáo số thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo chế độ hiện hành;

- Định kỳ hàng năm (*trước ngày 15/12*) tổng hợp kết quả thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa gửi Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Nhà máy ô tô VEAM - Tổng Công ty máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP có trách nhiệm:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước vào ngân sách Nhà nước đúng thời hạn theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa;

- Sau khi nhận được giấy chứng nhận đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước, Nhà máy ô tô VEAM - Tổng Công ty máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP gửi 01 bản sao có chứng thực về Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa để theo dõi;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không

trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật;

- Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại Khoản 1, Điều 12, Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Nhà máy ô tô VEAM - Tổng Công ty máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

4. UBND thị xã Bim Sơn; UBND phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn; Chủ tịch UBND phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn; Tổng Giám đốc Nhà máy ô tô VEAM - Tổng Công ty máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT TT Nguyễn Đức Quyền;
- Lưu: VT, NN, KTTC.
QDKP 20.44697

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thi